

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIRA INTERNATIONAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIRA INTERNATIONAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIRA INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110601155

**3. Ngày thành lập:** 12/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, Toà nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0382818360

Fax:

Email: kira.director@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: -Bán buôn thực phẩm chức năng<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</li> <li>- Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc</li> <li>- Bán buôn dụng cụ y tế</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</li> <li>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu</li> </ul> | 4649(Chính) |
| 5.  | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</li> <li>- Mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</li> </ul>           | 4659        |
| 6.  | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br/>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 7.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299        |
| 8.  | <p>Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9610        |
| 9.  | <p>Cắt tóc, làm đầu, gội đầu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9631        |
| 10. | <p>Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9639        |
| 11. | <p>Bán buôn tổng hợp<br/>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 12. | <p>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4711        |
| 13. | <p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br/>(Trừ đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719        |

|     |                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 17. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4724 |
| 18. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                         | 1079 |
| 19. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm<br>- Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                     | 2023 |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế | 4772 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>XUÂN TÙNG | Tổ Mễ Thượng,<br>Phường Liêm<br>Chính, Thành phố<br>Phủ Lý, Tỉnh Hà<br>Nam, Việt Nam                                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       | 0350890127<br>10                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ QUỲNH<br>ANH     | Nhà số 3, Ngách<br>19/60 Mai Động,<br>Tổ 17, Phường<br>Hoàng Văn Thụ,<br>Quận Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       | 0011980188<br>81                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

